

MỘT SỐ MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN TRÊN THẾ GIỚI XỬ LÝ NHỮNG VẤN ĐỀ XÃ HỘI BỨC XÚC

PHẠM XUÂN NAM^(*)

I. Mấy khía cạnh lý luận liên quan đến “vấn đề xã hội” và “những vấn đề xã hội bức xúc”

Để có nhận thức đúng về “vấn đề xã hội” và “những vấn đề xã hội bức xúc”, trước hết cần làm rõ nội hàm khái niệm “xã hội” với cả nghĩa rộng và nghĩa hẹp của nó.

Theo nghĩa rộng, khái niệm “xã hội” dùng để chỉ một chế độ xã hội hay một hình thái kinh tế - xã hội, như các nhà kinh điển của chủ nghĩa Marx-Lenin đã phân tích. Với nghĩa này, mỗi hình thái kinh tế - xã hội đều bao gồm bốn lĩnh vực cơ bản có quan hệ mật thiết với nhau: i) Cơ sở kinh tế; ii) Cơ cấu xã hội; iii) Kiến trúc thượng tầng về pháp lý, chính trị; iv) Những hình thái ý thức xã hội tương ứng.

Còn theo nghĩa hẹp, khái niệm “xã hội” dùng để chỉ lĩnh vực xã hội - bao gồm cơ cấu xã hội (tức kết quả của phân tầng xã hội), những nhu cầu thiết yếu về đời sống xã hội và những mối quan hệ xã hội của con người - trong tương quan với các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa của một chế độ xã hội nhất định.

Sự vận động, phát triển của toàn bộ một hình thái kinh tế - xã hội nói chung và từng lĩnh vực cấu thành nói riêng không phải bao giờ cũng diễn ra một

cách thuận chiều, trái lại chúng luôn trải qua những mâu thuẫn với các mức độ và tính chất khác nhau. Mà ở đâu có mâu thuẫn (ví như trong lĩnh vực xã hội đang được bàn tới), thì ở đó có vấn đề cần xem xét, giải quyết.

Không theo lý luận về hình thái kinh tế - xã hội của chủ nghĩa Marx-Lenin, các nhà xã hội học hiện đại phương Tây, mà tiêu biểu là những đại diện của Chương trình phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP), thường chỉ tập trung bàn về “xã hội” theo nghĩa hẹp.

Tại *Hội nghị Thượng đỉnh thế giới về Phát triển xã hội* tổ chức ở Copenhagen, Đan Mạch (tháng 3/1995), UNDP xác định có 10 “vấn đề xã hội” chủ yếu mà tất cả các quốc gia trên thế giới đều phải quan tâm đến. Đó là mở rộng việc làm, giảm nghèo, hòa nhập xã hội đối với các nhóm yếu thế, phát triển hợp lý dân số, tăng cường vai trò của gia đình, phát triển giáo dục, chăm sóc sức khỏe nhân dân, bảo trợ xã hội, bảo vệ môi trường, ngăn ngừa các tệ nạn xã hội. Trong đó, mở rộng việc làm, giảm nghèo và hòa nhập xã hội đối với các nhóm yếu thế được xem là ba vấn đề xã

^(*) GS. TS., Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

hội cấp bách, cần được ưu tiên giải quyết (World Summit for Social Development, 1995). Đây có thể hiểu là ba “vấn đề xã hội bức xúc” trên phạm vi toàn cầu, mặc dầu lúc đó thuật ngữ “bức xúc” chưa được người ta dùng đến.

Theo đề cương chung của UNDP, *Báo cáo quốc gia của Chính phủ Việt Nam* tại Hội nghị cũng đề cập đến 10 vấn đề nêu trên, xuất phát từ tình hình cụ thể của nước nhà.

Trên cơ sở vận dụng quan điểm lý luận của chủ nghĩa Marx-Lenin và tham khảo lý thuyết xã hội học hiện đại của thế giới, chúng tôi đưa ra định nghĩa:

- “*Vấn đề xã hội*” là vấn đề nảy sinh từ những mâu thuẫn bình thường của quá trình trưởng thành, phát triển trong lĩnh vực xã hội, đòi hỏi phải xem xét, giải quyết nhằm thúc đẩy sự phát triển xã hội theo những mục tiêu đã xác định của mỗi quốc gia.

- “*Những vấn đề xã hội bức xúc*” là những vấn đề nảy sinh từ những mâu thuẫn không bình thường, thể hiện ở những va chạm, đụng độ, thậm chí xung đột về lợi ích giữa các giai tầng, các nhóm xã hội khác nhau, đòi hỏi phải tập trung xem xét, điều chỉnh ngay và giải quyết sớm, nếu không thì chúng có thể dẫn đến những hệ lụy nghiêm trọng về nhiều mặt.

Mặc dù có mối quan hệ tác động qua lại biện chứng với nhau, song ở đây cần có sự phân biệt giữa “những vấn đề xã hội bức xúc” và những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hóa... gây ra bức xúc trong xã hội.

II. Điềm qua một số lý thuyết và mô hình phát triển trên thế giới xét từ góc độ xử lý những vấn đề xã hội bức xúc

Về đại thể, trong những thập niên qua, trên thế giới từng có một số mô

hình phát triển khác nhau được áp dụng. Mỗi loại mô hình đều dựa vào một lý thuyết phát triển, thể hiện bản chất chế độ chính trị - xã hội và truyền thống văn hóa của từng nước.

1. Lý thuyết và mô hình phát triển của trào lưu xã hội dân chủ, điển hình là Thụy Điển

Từ sau Chiến tranh thế giới thứ Hai, trước áp lực đấu tranh của quần chúng nhân dân lao động, nhiều chính phủ cánh tả mà nòng cốt là các Đảng Xã hội dân chủ đã lên cầm quyền ở các nước Bắc Âu và một số nước Tây Âu. Với các mức độ khác nhau, những chính phủ này đã chủ trương chuyển từ mô hình kinh tế thị trường theo chủ nghĩa tự do cổ điển của A. Smith sang mô hình kinh tế thị trường xã hội dựa trên cơ sở lý thuyết của J. M. Keynes. Theo lý thuyết này, nền kinh tế thị trường phải có sự điều tiết của nhà nước phúc lợi nhằm khắc phục hai khuyết tật lớn, cũng tức là hai vấn đề xã hội bức xúc nhất trong xã hội tư bản là “không có việc làm đầy đủ và phân phối của cải một cách bất công”, dẫn đến phân cực giàu nghèo ngày càng gia tăng (J. M. Keynes, 1994, tr. 429).

Điển hình của mô hình này là Nhà nước Thụy Điển, do Đảng Xã hội dân chủ đứng đầu trong nhiều thập kỷ. Một hệ thống các chính sách phúc lợi xã hội rộng rãi đã được đề ra, bao gồm trợ cấp cho giáo dục, y tế, chăm sóc trẻ em, người già, trợ cấp thất nghiệp, trợ cấp cho những người ốm đau, tàn tật, những người không có khả năng lao động... do Nhà nước chi ở mức cao nhất thế giới.

Để thực hiện được các chế độ nói trên, Nhà nước thi hành chính sách thuế lũy tiến đánh vào thu nhập. Trong nhiều năm, các nguồn thu từ thuế thu

nhập đạt tới 55% GDP, một tỷ lệ cao hơn nhiều so với các nước khác thuộc Tổ chức Hợp tác và phát triển kinh tế (OECD). Đối với những người có thu nhập cao nhất, tỷ lệ nộp thuế có khi lên tới 70%!

Tuy nhiên, trong bối cảnh toàn cầu hóa và cạnh tranh kinh tế ngày càng gay gắt, các chính sách phúc lợi xã hội rộng rãi dựa trên thuế thu nhập đánh theo lũy tiến, một mặt, để ra tình trạng lạm dụng trong dân chúng và mặt khác, gây ra sự bất mãn trong giới chủ doanh nghiệp giàu có. Nhiều nguồn vốn đầu tư đã được chuyển ra nước ngoài.

Điều đó lý giải tại sao, nền kinh tế Thụy Điển sau một thời kỳ tăng trưởng nhanh lại rơi vào một thời kỳ trì trệ, suy thoái. Hệ quả là Đảng Xã hội dân chủ đã thất cử và bị gạt ra ngoài Chính phủ ba lần vào những năm 1976-1982, 1991-1994 và 2006-2010. Khi trở lại cầm quyền, họ buộc phải cắt giảm cả thuế thu nhập và phúc lợi xã hội xuống mức hợp lý hơn. Nhờ vậy, GDP đã tăng trở lại từ - 4,8% năm 2009 lên 4% năm 2011. Trong cùng thời gian, tỷ lệ thất nghiệp đã giảm từ 15,6% xuống còn 7,5%. Thực tế đó cho thấy: Do tăng trưởng kinh tế và phúc lợi xã hội luôn có mối quan hệ gắn bó mật thiết với nhau, nên mức đầu tư cho việc giải quyết các vấn đề xã hội nói chung, trong đó có vấn đề xã hội bức xúc là tỷ lệ thất nghiệp tăng cao nói riêng, không bao giờ có thể vượt quá khả năng mà nền kinh tế cho phép.

2. Lý thuyết và mô hình phát triển theo chủ nghĩa tự do mới, tiêu biểu là Mỹ

Trong suốt gần 3 thập kỷ (1945-1973), khi lý thuyết Keynes chiếm địa vị chi phối đối với chính sách kinh tế - xã hội của nhiều nước tư bản phát triển, thì một nhóm học giả, đứng đầu là V.

Hayek, vốn có quan điểm đối lập với J. M. Keynes vẫn kiên trì theo đuổi những luận thuyết của họ. Nhóm học giả này kịch liệt phê phán sự can thiệp của nhà nước vào kinh tế thị trường, đồng thời say sưa ca ngợi tư tưởng tự do kinh tế ở các thế kỷ XVIII-XIX. Theo họ, vận dụng tư tưởng đó vào thế kỷ XX vẫn là một điều tuyệt vời. Với các luận điểm nêu trên, họ được xem là những người đặt nền móng cho sự ra đời của chủ nghĩa tự do mới.

Nhưng phải chờ đến đầu những năm 1980, thì chủ nghĩa tự do mới mới được Tổng thống Mỹ R. Reagan và Thủ tướng Anh M. Thatcher tán thưởng và chính thức áp dụng trên thực tế. Tiếp đó, chủ nghĩa tự do mới dần dần được giới cầm quyền của nhiều nước khác trong Tổ chức OECD và một số nước đang phát triển ở châu Á, châu Phi, Mỹ Latinh làm theo. Những đại diện của các quốc gia nêu trên đã họp nhau tại thủ đô Hoa Kỳ và ra bản Tuyên bố chung gọi là *Đồng thuận Washington*, trong đó xác định rõ 5 phương châm chỉ đạo cho việc thực hiện mô hình phát triển theo chủ nghĩa tự do mới là: i) Tăng thị trường; ii) Giảm nhà nước; iii) Phi điều tiết hóa; iv) Tự do hóa; v) Tư nhân hóa.

Là quốc gia đi đầu trong việc thực hiện mô hình này, nước Mỹ dưới thời các chính quyền Reagan và Bush (cha) đã quyết định thu hẹp khu vực sở hữu nhà nước, đẩy mạnh tư nhân hóa, tránh sự can thiệp của Nhà nước vào công việc kinh doanh, giảm chi từ ngân sách quốc gia cho các chính sách phúc lợi xã hội, giảm thuế đối với những chủ doanh nghiệp giàu có nhằm kích thích họ "tiết kiệm và đầu tư". Thi hành những chủ trương đó, người ta hứa hẹn với quần chúng lao động rằng: tăng trưởng kinh

tế phải đi trước, công bằng xã hội sẽ theo sau, người nghèo hãy kiên tâm chờ đợi!

Nhưng trải qua sự kiểm nghiệm của thời gian, ngay tại Mỹ, một số nhà trí thức có đầu óc khách quan đã sớm chỉ ra rằng: thúc đẩy tăng trưởng kinh tế vì mục đích lợi nhuận tối đa của giới chủ tư bản đã dẫn đến hàng loạt vấn đề xã hội nan giải. Điều đó giải thích tại sao, từ năm 1993, khi B. Clinton trở thành ông chủ Nhà Trắng, thì chính quyền của ông đã phải điều chỉnh mô hình phát triển theo lý thuyết về *Con đường thứ ba* (Xem Anthony Giddens, 1998). Nghĩa là, một mặt tiếp tục thực hiện tự do hóa kinh tế, mặt khác tăng đầu tư cho các chính sách xã hội nhằm tạo thêm việc làm, cải tiến tiền lương, nâng trợ cấp cho giáo dục, y tế... Nhưng đến thời chính quyền G. W. Bush (con) thì các chính sách theo mô hình của chủ nghĩa tự do mới lại được thực hiện một cách triệt để hơn bao giờ hết.

Hệ quả là hàng loạt vấn đề kinh tế, xã hội được tích lũy trong hai nhiệm kỳ của chính quyền Bush (con) đã bùng nổ thành cuộc khủng hoảng tài chính tại phố Wall từ cuối năm 2007, rồi gây phản ứng dây chuyền, đẩy nền kinh tế thế giới lún sâu vào cuộc suy thoái tồi tệ nhất kể từ đầu những năm 1930. Riêng tại Mỹ, trong khi nhiều chủ ngân hàng vỡ nợ được Nhà nước cứu trợ vẫn đem chia nhau hàng tỷ USD gọi là tiền thù lao cho “những người có chuyên môn cao”, thì đông đảo quần chúng nhân dân lao động lại là những người phải gánh chịu hậu quả nặng nề nhất. Tính đến tháng 9/2009, khoảng trên 2 triệu ngôi nhà của những người có thu nhập thấp bị tịch biên, 10,2% tổng lực lượng lao động xã hội bị mất việc làm, tương đương 15,7 triệu người. Trong cùng thời

gian, tỷ lệ nghèo ở nước này là 15,1%, tương đương 46,2 triệu người.

Đó là những vấn đề xã hội bức xúc của nước Mỹ mà chính quyền của Tổng thống B. Obama đã tìm mọi cách để giải quyết trong suốt nhiệm kỳ thứ nhất và mấy tháng đầu của nhiệm kỳ thứ hai, nhưng đến nay vẫn chưa giải quyết hết. Theo các số liệu thống kê, tỷ lệ thất nghiệp ở Mỹ đã giảm từ trên 10% năm 2009 xuống 7,7% tính đến tháng 3/2013 nhưng còn ở mức cao; riêng tỷ lệ nghèo chính thức thì chỉ giảm chút ít từ 15,1% năm 2009 xuống 14,3% năm 2011.

3. Lý thuyết và mô hình phát triển của nước Nga hậu Xô viết

Ở nước Nga thập niên đầu thời kỳ hậu Xô viết (1991-1999), các chính khách lớn của điện Kremlin lúc đó đã công khai tuyên bố chuyển sang áp dụng mô hình phát triển kinh tế - xã hội theo quan điểm của chủ nghĩa tự do mới. Hậu quả là gần 10 năm sau khi Liên Xô tan rã và “các nhà dân chủ” do ông B. Enxin đứng đầu lên nắm chính quyền, “nước Nga vẫn đang sống giữa những đồng đố nát và đang cố tìm ra lối thoát” (Theo báo *Nước Nga Xô viết*, 2000). Đó không phải là nhận định của một người cộng sản mà là của Solzenicyn - một kẻ vốn thâm thù chế độ Xô viết trước đây vừa từ chỗ lưu vong ở Mỹ trở về nước.

Nhưng từ năm 2000 đến nay - kể từ khi ông V. Putin được bầu làm Tổng thống hai nhiệm kỳ liên tiếp, kế đó bộ đôi D. Medvedev và V. Putin lần lượt thay nhau làm tổng thống và thủ tướng - thì bức tranh toàn cảnh kinh tế - xã hội của Liên bang Nga đã dần dần trở nên sáng sủa hơn nhiều.

Ngay trong nhiệm kỳ tổng thống đầu tiên của mình, ngoài nền kinh tế suy sụp toàn diện do chính quyền cũ để

lại, chính quyền Putin còn phải đối mặt với nhiều vấn đề xã hội bức xúc, trong đó có hai vấn đề xã hội bức xúc nhất là: i) Hàng chục triệu công nhân viên chức dưới thời Xô viết trước đây đã bị sa thải, đưa tỷ lệ thất nghiệp ở nước Nga lúc đó tăng vọt; những người còn được giữ lại làm việc thì chỉ được lĩnh đồng lương rẻ mạt; ii) Một nhóm tỷ phú hàng đầu từng phát lên nhanh chóng trong quá trình “tư nhân hóa hỗn loạn” dưới thời Enxin tiếp tục tìm cách câu kết với bọn quan tham trong bộ máy quyền lực mới để hòng vơ vét nốt những tài sản lớn còn lại từ thời Xô viết, khiến cho mâu thuẫn về lợi ích giữa một thiểu số giàu có với đa số dân chúng nghèo khổ có nguy cơ ngày càng trở nên gay gắt hơn.

Để đối phó với tình hình trên, chính quyền Putin đã sớm đưa ra những quyết định quan trọng: i) Thiết lập lại một số tập đoàn kinh tế lớn của Nhà nước, nhất là trong các lĩnh vực dầu khí và tài chính - ngân hàng..., đồng thời khuyến khích các loại hình doanh nghiệp khác đẩy mạnh sản xuất, kinh doanh hợp pháp nhằm lấy lại đà tăng trưởng kinh tế; ii) Giáng đòn mãnh liệt vào nhóm lợi ích gồm các đại gia làm giàu bất chính và một số quan tham trong bộ máy nhà nước bằng cách liên tiếp mở các đợt điều tra, truy tố trước pháp luật và trừng phạt nghiêm khắc bọn tội phạm, mà điển hình là đã kết án tù 15 năm, đồng thời tịch biên tài sản phi pháp của tài phiệt dầu mỏ Khodorkovsky, khiến cho nhiều tên khác “có tật giật mình” phải bỏ của chạy lấy người; iii) Dành một nửa số doanh thu từ xuất khẩu dầu khí để thành lập Quỹ dự trữ nhằm bảo vệ nước Nga trước mọi biến động trên thị trường thế giới và Quỹ phúc lợi quốc gia để tăng đầu tư cho giáo dục, y tế, nhất là tăng lương cho người lao động, người

đã nghỉ hưu, cải thiện điều kiện nhà ở cho những cựu chiến binh trong cuộc Chiến tranh Vệ quốc vĩ đại (1941-1945)...

Kết quả về mặt kinh tế: Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân hàng năm thời kỳ 2000-2007 đạt 6,4%. Từ 2008 đến nay, do ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu, nên tốc độ tăng trưởng có chậm lại nhưng vẫn cao hơn mức trung bình của các nước Âu - Mỹ. Về mặt xã hội: Từ năm 2000-2011, thu nhập thực tế của người dân Nga tăng 3 lần; tỷ lệ nghèo giảm từ 40% xuống còn khoảng 13%. Tỷ lệ thất nghiệp từ 14,6% năm 1999 giảm xuống còn 5,4% năm 2012 - một tỷ lệ thấp hơn nhiều so với mức trung bình của các nước trong Liên minh châu Âu.

Tổng thống V. Putin và các nhà lãnh đạo Nga coi những chủ trương chính sách kể trên là nội dung cơ bản của “*mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội*”, là “*chính sách đầu tư vào con người, đầu tư cho tương lai của đất nước*” (Dẫn theo Hà Mỹ Hương, 2008, tr. 109). Theo một số nhà khoa học hàng đầu của nước Nga, đây là những cơ sở ban đầu để tiến tới hình thành lý thuyết và mô hình phát triển mới ở nước này (Xem S. F. Grebenichenko, V. P. Davydov, 2008).

4. Lý thuyết và mô hình phát triển của Trung Quốc thời cải cách mở cửa

Sau hơn 1/3 thế kỷ tiến hành cải cách mở cửa nhằm xây dựng CNXH mang đặc sắc Trung Quốc theo lý luận Đặng Tiểu Bình, rồi lần lượt được bổ sung bằng tư tưởng ba đại diện Giang Trạch Dân và quan điểm phát triển khoa học Hồ Cẩm Đào, nền kinh tế thị trường XHCN và công cuộc kiến thiết xã hội khá giả toàn diện tại nước Cộng hòa

nhân dân Trung Hoa đã đạt được những thành tựu to lớn.

Từ năm 1978 đến nay, GDP của Trung Quốc tính theo giá cố định tăng gần 20 lần, và đến năm 2010 đã đạt 5.878 tỷ USD, vượt Nhật Bản, trở thành nền kinh tế lớn thứ hai thế giới. Trên cơ sở tăng trưởng kinh tế, đời sống xã hội của đa số nhân dân trong nước đã được cải thiện rõ rệt. Số người nghèo ở nông thôn giảm từ 250 triệu xuống còn 128 triệu (theo chuẩn nghèo mới là 1 USD/ngày/người). Mục tiêu miễn phí 9 năm giáo dục bắt buộc đối với học sinh trong cả nước đã được thực hiện.

Tuy nhiên, do thực hành phương châm: *“Ưu tiên tăng trưởng kinh tế, chiếu cố công bằng xã hội”*, Trung Quốc đã duy trì quá lâu chính sách tập trung phát triển các tỉnh vùng duyên hải miền Đông trước, cộng với chủ trương phát triển nóng, cho nên nước này đã phải đương đầu với những hệ quả tiêu cực về xã hội.

Tính đến năm 2008, tình trạng khiếm khuyết về đất đai ở nông thôn Trung Quốc ngày càng lan rộng. Khoảng cách thu nhập giữa nhóm 20% giàu nhất và nhóm 20% nghèo nhất ở các thành phố là 18,7 lần! Trên 90% số người giàu nhất là con em các cán bộ cấp cao, trong đó có hơn 2.900 người có tài sản cộng lại bằng 2.045 tỷ nhân dân tệ, tương đương 6,7% GDP của một nước với 1,3 tỷ dân.

Trước tình hình đó, những năm gần đây, Đảng và Chính phủ Trung Quốc đã chủ trương thay đổi chính sách với nông nghiệp, nông thôn và nông dân, đồng thời cải cách chế độ phân phối trong cả nước theo hướng: Nâng cao thu nhập cho những người thuộc diện có thu nhập thấp, mở rộng tầng lớp có thu nhập trung bình, điều tiết diện thu nhập quá

cao để bảo đảm công bằng xã hội, tạo động lực cho phát triển bền vững (Đỗ Tiến Sâm, 2009).

Kết quả cho thấy, có một vài vấn đề được giải quyết thành công như: Sau khi Quốc vụ viện Trung Quốc quyết định tăng gấp 10 lần tiền đền bù cho những nông dân có đất bị thu hồi, thì 180.000 cuộc biểu tình đông người của nông dân trong năm 2010 đã tạm thời lắng xuống.

Tuy nhiên, do nhiều vấn đề xã hội ở Trung Quốc đã tích lũy từ lâu, trong khi các giải pháp đưa ra lại chưa đủ tầm, cho nên đến nay không ít vấn đề xã hội bức xúc vẫn đang nổi cộm tại nước này, ví dụ như: i) Theo kết quả điều tra của giáo sư Gan Li, trường Đại học kinh tế - tài chính Thành Đô, tỷ lệ thất nghiệp trong lực lượng lao động thành thị của Trung Quốc năm 2012 là 8,05%, một con số cao gấp đôi so với ước tính của nhà cầm quyền; ii) Hơn 250 triệu công nhân vốn từ nông thôn đổ ra thành thị kiếm sống đều không được phép đăng ký hộ khẩu chính thức. Vì thế, họ phải lưu trú tạm bợ trong những khu nhà tồi tàn và cũng không được hưởng các dịch vụ giáo dục, y tế... như cư dân tại chỗ. Đây là nguyên nhân cơ bản dẫn đến hàng loạt cuộc xuống đường phản đối của công nhân làm cho giới cầm quyền ở nhiều nơi như “đang ngồi trên đống lửa” (World Asia, 2012); iii) Vì ô ạt chạy theo phát triển nhanh công nghiệp và đô thị, nên thời gian gần đây những đám khói bụi độc hại khổng lồ do nhà máy và xe cộ thải ra đã bao phủ nhiều tỉnh thành ở Trung Quốc (kể cả thủ đô Bắc Kinh), khiến cho số người bị ung thư phổi và các bệnh tim mạch tăng nhanh, gây bất bình lớn trong nhân dân; iv) Tệ tham nhũng diễn biến xấu đến mức, tại Đại

hội XVIII của Đảng Cộng sản Trung Quốc (tháng 11/2012), Tổng Bí thư Hồ Cẩm Đào lúc đó đã lên tiếng báo động: Nếu không đẩy lùi được tham nhũng thì cả Đảng và chế độ hiện hữu ở nước này đều sụp đổ.

Trước những vấn đề gay gắt nêu trên, Báo cáo do Thủ tướng Ôn Gia Bảo trình bày tại phiên khai mạc Quốc hội khóa 12 của Trung Quốc (5/3/2013) cũng phải thừa nhận: Xã hội Trung Quốc đang chứa đựng “nhiều mâu thuẫn tiềm ẩn, nhiều vấn nạn làm tổn hại đến lợi ích của người dân như ô nhiễm môi trường, thất nghiệp, vấn đề nhà ở, an toàn thực phẩm... và đặc biệt là tham nhũng” (Ôn Gia Bảo, 2013).

Và để giải quyết các vấn nạn đó, bên cạnh một số biện pháp khác, Bắc Kinh đang tìm cách đẩy các mâu thuẫn bên trong ra bên ngoài.

Nói tóm lại, chăm lo giải quyết các vấn đề xã hội, đặc biệt là những vấn đề xã hội bức xúc, trên cơ sở thúc đẩy tăng trưởng kinh tế luôn được xem như hai trong số ba trụ cột chủ yếu của sự phát triển nhanh và bền vững mà nhiều quốc gia trên thế giới đều mong muốn đạt tới. Tuy nhiên, trên thực tế, đây là bài toán khó mà không phải ở đâu và bao giờ người ta cũng có thể tìm ra lời giải thỏa đáng. Bởi lẽ, để biến mục tiêu đó thành hiện thực thì phải có hàng loạt điều kiện khách quan và chủ quan cần thiết, phải giải quyết hàng loạt mối quan hệ - nhất là mối quan hệ giữa tăng trưởng

kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội - trong một mô hình phát triển nhất định □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo *Nước Nga Xô viết* (2000), số 55.
2. Ôn Gia Bảo (2013), “Báo cáo tại phiên khai mạc Quốc hội khóa 12 Trung Quốc ngày 5/3/2013”, báo *Tuổi trẻ* ngày 6/3/2013.
3. Anthony Giddens (1998), *The third way - The renewal of social democracy*, Polity press, Cambridge.
4. S. F. Grebenichenko, V. P. Davydov (2008), “Nước Nga sau Putin”, Tạp chí *Trí thức và xã hội - nhân văn*, số 3.
5. Hà Mỹ Hương (2008), “Nước Nga sau 8 năm cầm quyền của Tổng thống V. Putin”, Tạp chí *Cộng sản*, số 6, tr. 109.
6. J. M. Keynes (1994), *Lý thuyết tổng quát về việc làm, tiền tệ và lãi suất*, Nxb. Giáo dục - Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội, tr. 429.
7. Đỗ Tiến Sâm (2009), *Quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và thực hiện công bằng xã hội - Kinh nghiệm của Trung Quốc*, Tham luận tại Hội thảo do Hội đồng lý luận Trung ương tổ chức, tháng 10.
8. World Summit for Social Development (1995), *Copenhagen Declaration on Social Development*, March 12th.
9. World Asia (2012), *Unhappy migrant workers in China are growing problem*, June, 27-2012.